

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)
Mã ngành:	8140101
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Giáo dục Mầm non

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)
Mã ngành:	8140101
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Giáo dục Mầm non

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục mầm non theo định hướng ứng dụng có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong chuyên nghiệp; có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực về nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành; có năng lực ứng dụng lí luận Giáo dục mầm non vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, giáo dục và đào tạo; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu để đạt học vị cao hơn.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phẩm chất

- Tự ý thức và tích cực rèn luyện những phẩm chất đạo đức, trao dồi năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động nghề nghiệp và sự phát triển của giáo dục và đào tạo lĩnh vực ngành giáo dục mầm non;
- Yêu nghề, yêu trẻ, có ý thức, trách nhiệm cao và tác phong chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tích cực, chủ động tiếp cận và cập nhập ứng dụng những thành tựu mới về giáo dục để nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn giáo dục và quản lý trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

b) Về năng lực

- Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo trong lĩnh vực giáo dục mầm non;

- Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục mầm non;

- Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng trong giáo dục mầm non vào giải quyết các vấn đề về xây dựng và phát triển chương trình, tổ chức thực hiện, quản lý các hoạt động giáo dục trẻ phù hợp với thực tiễn giáo dục mầm non và tham gia vào quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non;

- Thực hiện được các nghiên cứu ứng dụng chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục học mầm non.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI 1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI 1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI 1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI 1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI 1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI 1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI 2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI 2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động

Mã CDR	Mô tả
PI 2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI 2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI 2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI 2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn
PI 3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI 3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI 3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI 3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI 3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI 3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI 3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lí để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI 3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lí hoạt động chuyên môn
PI 3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lí hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực Giáo dục mầm non hiệu quả	
PI 4.1	<i>Xây dựng, phát triển, cải tiến và ứng dụng được chương trình giáo dục mầm non.</i>
PI 4.1.1	Phân tích, ứng dụng được cơ sở lí luận về xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mầm non
PI 4.1.2	Xây dựng và phát triển được chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn tại địa phương

Mã CDR	Mô tả
PI 4.1.3	Ứng dụng và cải tiến được chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn tại địa phương
PI 4.2	<i>Tổ chức hoạt động cho trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non</i>
PI 4.2.1	Đánh giá và xây dựng được kế hoạch giáo dục ở các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn tại địa phương
PI 4.2.2	Xây dựng và tổ chức thực hiện được các hoạt động giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ tại trường MN
PI 4.2.3	Ứng dụng được các phương pháp, mô hình giáo dục mới vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non
PI 4.3	<i>Kiểm tra, đánh giá được thực tiễn hoạt động tại cơ sở giáo dục mầm non</i>
PI 4.3.1	Đánh giá được chất lượng các hoạt động giáo dục trẻ và chất lượng giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non
PI 4.3.2	Đề xuất và ứng dụng được các biện pháp xây dựng, cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục trẻ và chất lượng giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non
PLO 5. Thực hiện nghiên cứu thực tiễn trong lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả.	
PI 5.1	<i>Xác định đề án/dự án chuyên ngành giáo dục mầm non</i>
PI5.1.1	Xác định được các vấn đề thực tiễn để xây dựng đề án/dự án nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non
PI5.1.2	Xây dựng được đề cương thực hiện đề án/ dự án nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non
PI5.2	<i>Thực hiện được đề án/ dự án chuyên ngành giáo dục mầm non</i>
PI5.2.1	Tổ chức được hoạt động nghiên cứu đề án/dự án nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non
PI5.2.2	Báo cáo được kết quả thực hiện đề án/dự án nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non theo quy chuẩn khoa học
PI5.2.3	Công bố được kết quả nghiên cứu nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non trên tạp chí khoa học

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) có thể làm việc ở những vị trí sau:

- Thực hiện công tác chuyên môn và công tác quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở dịch vụ về giáo dục mầm non.
- Tham gia hỗ trợ giảng viên dạy các học phần thực hành, hướng dẫn thực hành, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non ở các trường Cao đẳng, Đại học tại các cơ sở giáo dục mầm non.
- Chuyên viên tại các sở, phòng giáo dục và đào tạo tại các đại phương.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học nghiên cứu sinh ngành Giáo dục học tại các trường đại học trong và ngoài nước.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 61 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể:

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0

C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

Tham khảo 08 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng tại 08 trường đại học trong và ngoài nước:

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục mầm non – Trường Đại học Nữ Seoul, Hàn Quốc

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục mầm non – Trường Đại học Nữ Ewha, Hàn Quốc

Master in Early Childhood Studies Curriculum - University of Roehampton London

Master of Education in Early Childhood Education - University of Pittsburgh School of Education

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ **Về năng lực ngoại ngữ**: Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Các lí thuyết về sự phát triển của trẻ em
- Môn cơ sở: Giáo dục học mầm non .

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	5	8,06%	5	8,06%	0	0%
Kiến thức chuyên ngành	39	62,9%	24	38,71%	15	24,19%
Thực tập	9	14,52%	9	14,52%	0	0%
Đề án tốt nghiệp	9	14,52%	9	14,52%	0	0%

Tổng	62	100%	47	15
-------------	-----------	-------------	-----------	-----------

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08GDMN1001	Triết học	4			50	50
2	08GDMN1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1			50	50
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		39				
	Học phần bắt buộc		24				
3	08GDMN2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3			50	50
4	08GDMN2004	Các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lí của trẻ mầm non	3			50	50
5	08GDMN2005	Phát triển chương trình Giáo dục mầm non (nâng cao)	3			50	50
6	08GDMN2006	Các vấn đề đương đại của Giáo dục mầm non: Chính sách và thực tiễn	3			50	50
7	08GDMN2007	Lý luận dạy học hiện đại trong Giáo dục mầm non	3			50	50
8	08GDMN2008	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	3			50	50
9	08GDMN2019	Lãnh đạo và quản lý chất lượng trong cơ sở Giáo dục mầm non	3			50	50
10	08GDMN2020	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non	3			50	50

	Học phần tự chọn		15				
11	08GDMN2010	Các mô hình Giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới và ứng dụng vào Việt Nam	3			50	50
12	08GDMN2011	Giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non	3			50	50
13	08GDMN2009	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3			50	50
14	08GDMN2012	Phát triển năng lực vận động cho trẻ mầm non	3			50	50
15	08GDMN2013	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3			50	50
16	08GDMN2014	Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mầm non	3			50	50
17	08GDMN2015	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non	3			50	50
18	08GDMN2016	Giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non	3			50	50
19	08GDMN2017	Giáo dục văn hóa truyền thống cho trẻ mầm non	3			50	50
20	08GDMN2018	Quyền và phúc lợi xã hội cho trẻ em	3			50	50
21	08GDMN2021	Xã hội hóa trong Giáo dục mầm non	3			50	50
22	08GDMN2022	Kỷ luật tích cực trong Giáo dục mầm non	3			50	50
23	08GDMN2023	Ứng dụng STEAM trong Giáo dục mầm non	3			50	50
24	08GDMN2024	Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	3			50	50
III	THỰC TẬP		9				

25	08GDMN4025	Thực tập	9	0	135	0	100
IV	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9				
26	08GDMN5026	Đề án	9	0	135	0	100
	Tổng số tín chỉ		61				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 17 TC, bao gồm 17 tín chỉ bắt buộc)		
08GDMN1001	Triết học	4
08GDMN1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1
08GDMN2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3
08GDMN2004	Các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lí của trẻ mầm non	3
08GDMN2006	Các vấn đề đương đại của Giáo dục mầm non: Chính sách và thực tiễn	3
08GDMN2007	Lý luận dạy học hiện đại trong Giáo dục mầm non	3
Học kì 2 (Tổng cộng: 18 tín chỉ, bao gồm 12 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn)		
08GDMN2005	Phát triển chương trình Giáo dục mầm non (nâng cao)	3
08GDMN2008	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	3
08GDMN2019	Lãnh đạo và quản lý chất lượng trong cơ sở Giáo dục mầm non	3
08GDMN2020	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non	3
08GDMN2009	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3
08GDMN2010	Các mô hình Giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới và ứng dụng vào Việt Nam	3
08GDMN2011	Giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non	3
08GDMN2012	Phát triển năng lực vận động cho trẻ mầm non	3
08GDMN2013	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3
Học kì 3 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 6 tín chỉ bắt buộc, 9 tín chỉ tự do)		
08GDMN2014	Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mầm non	3
08GDMN2015	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non	3
08GDMN2016	Giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non	3

08GDMN2017	Giáo dục văn hóa truyền thống cho trẻ mầm non	3
08GDMN2018	Quyền và phúc lợi xã hội cho trẻ em	3
08GDMN2021	Xã hội hóa trong Giáo dục mầm non	3
08GDMN2022	Kỷ luật tích cực trong Giáo dục mầm non	3
08GDMN2023	Ứng dụng STEAM trong Giáo dục mầm non	3
08GDMN2024	Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	3
08GDMN2014	Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mầm non	3
08GDMN2015	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non	3
Học kì 4 (Tổng cộng: 12 tín chỉ, bao gồm 12 tín chỉ bắt buộc)		
08GDMN4025	Thực tập	3
08GDMN5026	Đề án	9

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08GDMN1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08GDMN1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về

nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2003

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

4. Các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lí của trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2004

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lý trẻ em gồm 8 phần về các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non; các quan điểm của các nhà tâm lý hiện đại về sự học và phát triển trẻ em; một bài thuyết trình báo cáo thảo luận và thực hành nhóm; một bài thu hoạch cá nhân.

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo cao học giáo dục mầm non định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Sau khi kết thúc học phần, học viên lĩnh hội được kiến thức của các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lý trẻ em của các nhà tâm lý học và các quan điểm mới của các nhà tâm lý học hiện đại về sự phát triển của trẻ em. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng dụng linh hoạt và sáng tạo các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lý trẻ em và các quan điểm mới của các nhà tâm lý học hiện đại về sự phát triển của trẻ em vào phân tích, đánh giá chương trình giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ và việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục và dạy học cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non hiện nay. Đồng thời, có khả năng nghiên cứu, ứng dụng các lí thuyết, các quan điểm mới của các nhà tâm lý hiện đại vào xây dựng, phát triển chương trình giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ, lập kế hoạch giáo dục, tổ chức

thực hiện, quản lí các hoạt động chăm sóc, giáo dục, dạy học cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn.

5. Phát triển chương trình Giáo dục mầm non (nâng cao)

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2005

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

6. Lý luận dạy học hiện đại trong Giáo dục mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2007

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

7. Các vấn đề đương đại của GDMN: chính sách và thực tiễn

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2006

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

8. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2008

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

9. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2009

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

10. Các mô hình GDMN tiên tiến trên Thế giới và ứng dụng vào Việt Nam

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2010

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

11. Giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2011

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

12. Phát triển năng lực vận động cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2012

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

13. Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2013

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

14. Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2014

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

15. Phát triển tư duy cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2015

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

16. Giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2016

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

17. Giáo dục văn hóa truyền thống cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2017

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

18. Quyền và phúc lợi xã hội trẻ em

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2018

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

19. Xã hội hóa trong Giáo dục mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2021

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

20. Kỹ luật tích cực trong Giáo dục mầm non

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDMN2022

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

21. Ứng dụng STEAM trong Giáo dục mầm non

- Số tín chỉ: 04

- Mã học phần: 08GDMN2023

- Khối học phần: Chuyên đề nghiên cứu

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

22. Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non

- Số tín chỉ: 04

- Mã học phần: 08GDMN2024

- Khối học phần: Chuyên đề nghiên cứu

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

23. Thực tập

- Số tín chỉ: 09

- Mã học phần: 08GDMN4025

- Khối học phần: Chuyên đề nghiên cứu

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

24. Đề án

- Số tín chỉ: 09

- Mã học phần: 08GDMN5026

- Khối học phần: Chuyên đề nghiên cứu

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Phan Thị Thu Hiền	TS,GVC	GDH		
2	Phạm Phước Mạnh	TS,GVC	GDH		
3	Nguyễn Thị Hằng Nga	Tiến sĩ	GDMN		
4	Lê Thị Thanh Huyền	Tiến sĩ	TLGD		

5	Lê Hải	Tiến sĩ	GDTC		
6	Nguyễn Đắc Thanh	Tiến sĩ	GDH		
7	Phạm Thị Lệ Hằng	PGS.TS	GDTC		
8	Nguyễn Thị Tứ	PGS.TS	TLGD		
9	Nguyễn Đức Danh	TS	GDH		

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Hoàng Văn Cẩn	PGS.TS	Ngữ Văn		
2	Đinh Thị Tứ	TS,GVC	TLH		
3	Nguyễn Thị Kim Anh	PGS.TS	GDH		
4	Trần Thị Tâm Minh	Tiến sĩ	GDMN		
5	Phạm Đăng Khoa	Tiến sĩ	QLGD		
6	Bùi Thị Việt	TS,GVC	GDH		
7	Trần Thị Quốc Minh	TS,GVC	GDH		
8	Nguyễn Thị Hồng Phượng	TS,GVC	GDH		
9	Nguyễn Thị Thanh Bình	TS,GVC	GDH		
10	Trần Nguyễn Nguyên Hân	Tiến sĩ	GDH		
11	Trương Xuân Huệ	TS	GDH		
12	Nguyễn Thị Thu Huyền	TS	GDH		
13	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	PGS.TS	GDH		
14	Phạm Thị Thu Hương	TS,GVC	GDH		
15	Vũ Thị Ngân	TS, GVC	GDH		

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GD D, GD 18, GD 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm

- Phòng thí nghiệm Cơ – Nhiệt;

- Phòng thí nghiệm Điện – Quang;

- Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương nâng cao;

- Phòng thí nghiệm Thực hành Vật lý phổ thông;

- Phòng thí nghiệm Điện kỹ thuật;

- Phòng thí nghiệm Vô tuyến điện;

- Phòng thí nghiệm Vật lý hạt nhân;

- Phòng máy tính hiệu năng cao;

- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.

- Tất cả các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.

- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.

- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện chương trình này:

- Cán bộ quản lý phải đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp, mở các lớp học đúng kế hoạch và đủ số lượng để sinh viên có thể hoàn thành chương trình trong thời hạn quy định.

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.

- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.

- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

- Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.

- Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học nhưng phải đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

- Bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

	<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022</i> HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	---